TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ M** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST
Ngày:13/04/2021
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thuận Thảo**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Từ Ngọc Viễn**.
2. Bà **Nguyễn Thị Hơn**.

Thư ký phiên tòa: Anh **Phạm Nhật Minh** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 13 tháng 04 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 19/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXX-ST ngày 15 tháng 03 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐST – HN ngày 30 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Tuyết H**, sinh năm 1984. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ S, Ấp H, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Trọng H**, sinh năm 1993. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ M, Ấp B, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện ngày 07/01/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết H trình bày:**

Chị Nguyễn Thị Tuyết H và anh Phạm Trọng H tự nguyện sống chung vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang ngày 03/11/2010. Anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2012 có mâu thuẫn xảy ra. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp dẫn đến bất đồng quan điểm sống về nhiều mặt, vợ chồng thường xuyên xảy mâu thuẫn cự cãi. Anh chị đã tự ly thân từ cuối năm 2012 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Trọng H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện ngày 07/01/2021, chị Nguyễn Thị Tuyết H có yêu cầu chia tài sản chung là 05 chỉ vàng nữ trang ngày cưới. Nhưng tại Bản tự khai ngày 23/02/2021 và tại Biên bản hòa giải ngày 12/03/2021, chị H trình bày số vàng nữ trang ngày cưới hiện nay không còn do đã bán nên vợ chồng không có tài chung. Chị Nguyễn Thị Tuyết H xác định tài sản chung không có.

Về nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn anh Phạm Trọng H, Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đã thực hiện việc tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng thủ tục hợp lệ. Bị đơn anh Phạm Trọng H dù đã nhận Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không nộp bản tự khai trình bày ý kiến của mình, không dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết H là tranh chấp "Ly hôn". Bị đơn anh Phạm Trọng H cư trú tại Tổ M, Ấp B, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

[2] Bị đơn anh Phạm Trọng H vắng mặt không có lý do tại phiên tòa mặc dù đã được tống đạt hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Trọng H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết H và anh Phạm Trọng H tự nguyện sống chung từ năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang ngày 03/11/2010 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Nhận thấy mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị Tuyết H và anh Phạm Trọng H là do tính tình không phù hợp nên vợ chồng thường xuyên xảy mâu thuẫn cự cãi dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Xét thấy, mục đích của hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Tuyết H và anh Phạm Trọng H không đạt được, tình cảm vợ chồng đã hết không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài nên anh

chị đã tự ly thân từ cuối năm 2012 cho đến nay. Do vậy chị Nguyễn Thị Tuyết H yêu cầu ly hôn với anh Phạm Trọng H là có cơ sở. Yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết H là có căn cứ theo Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết H trình bày chị H và anh Phạm Trọng H không có tài sản chung và nợ chung. Anh Phạm Trọng H không đến tham dự phiên tòa và không gởi văn bản trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét đến tài sản chung, nợ chung của anh chị. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ kiện khác.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết H.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết H được ly hôn với anh Phạm Trọng H.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết H trình bày chị H và anh Phạm Trọng H không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết H phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí thành án phí hôn nhân sơ thẩm (theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004701 ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang).

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thị Thuận Thảo

Nơi nhận:
- *VKSND. TP M, Tiền Giang.*
- *Chi cục THADS. TP M, Tiền Giang.*
- *UBND xã T, TP M, Tiền Giang.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ.*